

Bài báo nghiên cứu

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ NGŨ VĂN DÂN GIAN CỦA CÁC DÂN TỘC TẠI CHỖ Ở TÂY NGUYÊN

Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Tiến Dũng – Email: dungnt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 12-9-2023; ngày nhận bài sửa: 13-01-2024; ngày duyệt đăng: 01-3-2024

TÓM TẮT

Bài báo đề cập việc bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian ở Tây Nguyên. Việc này không chỉ góp phần bảo tồn văn hóa của các dân tộc tại chỗ mà còn tạo điều kiện để phát triển các giá trị văn hóa ấy ra thế giới trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế. Bài báo trình bày các giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Từ đó đề xuất một số giải pháp chính: Thứ nhất, giáo dục nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên; Thứ hai, sử dụng khoa học công nghệ để số hóa và lưu trữ các tác phẩm ngữ văn dân gian một cách an toàn, bền vững. Nội dung bài báo nhấn mạnh tầm quan trọng của bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian để thúc đẩy nhận thức trong xã hội và phát triển sự đa dạng văn hóa của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên.

Từ khóa: ngữ văn dân gian; bảo tồn; dân tộc tại chỗ; giá trị văn hóa; Tây Nguyên

1. Mở đầu

Bối cảnh hội nhập quốc tế đã mang đến những cơ hội nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Với việc cùng lúc tiếp cận và tiếp xúc với văn hóa từ nhiều cộng đồng khác nhau, văn hóa của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên đang đối mặt với nguy cơ phai nhạt bản sắc và mất đi những giá trị độc đáo. Trong bối cảnh ấy, giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ đã trở thành một yếu tố quan trọng để bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên. Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã tạo ra những cơ hội mới để tiếp cận, sưu tầm và nghiên cứu những giá trị văn hóa một cách hiệu quả và bền vững. Bằng việc tận dụng sức mạnh của công nghệ, chúng ta có thể tạo ra những giải pháp sáng tạo và tiên tiến hơn để bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển của các giá trị ngữ văn dân gian tại Tây Nguyên.

Cite this article as: Nguyen Tien Dung (2024). Preserving and promoting the folk literary heritage of ethnic groups in Vietnam's central Highlands. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(4), 701-713.

Mục tiêu của bài báo này là nghiên cứu và đề xuất những giải pháp cụ thể, ứng dụng khoa học, công nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Qua bài báo này, chúng tôi kì vọng nhận được sự đồng thuận và sự hợp tác của toàn xã hội, từ chính quyền, nhà quản lí, cơ quan chức năng, từ các nhà nghiên cứu đến các nhà giáo, học sinh, sinh viên để thực hiện những giải pháp đề xuất bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Một khi vận dụng tối đa sức mạnh của khoa học – công nghệ và sự ủng hộ của toàn xã hội, hi vọng rằng các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên không chỉ tồn tại mà còn tỏa sáng trong một thế giới đa văn hóa và toàn cầu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên – danh tính và sắc màu văn hóa

Các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên chỉ những dân tộc sống lâu đời ở vùng đất này như: Kơ Ho, Mnông, Ê-đê, Jrai, Bahnar Xơ Đăng... Họ chính là chủ nhân của vùng đất này. Dân tộc Kơ Ho sinh sống chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng. Họ có nền văn hóa phong phú và truyền thống lâu đời với các phong tục tập quán độc đáo, kho tàng ngữ văn dân gian phong phú như truyện cổ, lời nói vần (*tam pla*), sử thi (*Gơ Plom Kòn Yôi*)... Ê-đê là dân tộc có số dân đông đảo nhất ở Tây Nguyên. Họ là chủ nhân của hàng trăm truyện cổ, hàng ngàn lời nói vần (*klei duê*) và hàng chục sử thi (khan) nổi tiếng như *Dăm San*, *Khinh Jủ*, *Khan Dăm Kteh Mlan*... M'nông là dân tộc có nền văn hóa và ngôn ngữ đa dạng, chủ yếu sinh sống tại tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk. Họ sở hữu kho tàng truyện cổ phong phú, lời nói vần (*nao m'pring*) và đặc biệt là hàng trăm sử thi (*ot ndrong*) như *Mùa rẫy bon Tiăng*, *Lấy hoa bạc hoa đồng*, *Tiăng đi lấy sừng trâu*... Người Jrai là dân tộc sống tại các tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Người Jrai tự hào bởi kho tàng ngữ văn dân gian phong phú thể loại như truyện cổ, lời nói vần (*toloi potuh*), câu đố (*pođao*), sử thi (*h'ri*) như *Hobia Drang*... Người Bahnar chủ yếu tập trung ở tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên. Người Bahnar có kho tàng ngữ văn dân gian khá đồ sộ với truyện cổ, lời nói vần (*nor/nâr poma potih*), câu đố (*pođã*) và hàng trăm sử thi (*h'mon*) như *Giông*, *Giỡ mỏ côi từ nhỏ*, *Giông cứu nàng Rang Hu*, *Giông săn trâu rừng*, *Giông xấu xí*... Người Xơ Đăng sống chủ yếu ở tỉnh Kon Tum và Quảng Nam cũng rất giàu có với kho tàng truyện cổ, lời nói vần (*topôi h'nh*), câu đố (*monua*), sử thi (*homuan*) tiêu biểu như: *Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ*, *Dăm Duông cứu nàng Bar Mã*, *Dăm Duông hóa cọp*, *Dăm Duông đội lột ông già*...

2.2. Giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên

Ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên bao gồm các thể loại như: truyện cổ, lời nói vần, câu đố, ca dao - dân ca, sử thi.

2.2.1. Truyện cổ

Thể loại ngữ văn dân gian phổ biến của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên là các thể loại truyện cổ (bao gồm: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười). Các truyện thần thoại giải thích nguồn gốc vũ trụ, các hiện tượng tự nhiên, loài người như thần thoại

của người Bahnar kể về bok Kei Dei tạo nên mặt trăng, yă Kuh Keh tạo nên trời đất (*bok Kei Dei pojing khei 'nar, yă Kuh Keh pơ jing the plễnh*), thần thoại người Xơ Đăng kể về thuở khai sinh vũ trụ (*Vũ trụ thuở khai sinh*), hiện tượng nhật thực, nguyệt thực (*Vì sao có nhật thực, nguyệt thực*), đất Tây Nguyên màu đỏ (*Vì sao đất Tây Nguyên màu đỏ*). Các truyền thuyết kể về sự hình thành và phát triển của các cộng đồng như: *Truyện quả bầu, Nguồn gốc chung các dân tộc* (Jrai), *Buổ Chô* (Xơ Đăng) hay *Ông Trống bà Trống* (Bahnar), *Xơ-rơ-đem-ông tổ của người Cơ-ho* (Cơ-ho)... Truyện cổ tích chứa đựng các phong tục tập quán, tín ngưỡng, cuộc sống lao động sản xuất, săn bắn, lễ hội của các dân tộc ở đây. Chẳng hạn như: *Lửa thần Tung Gur, Sự tích núi Kônê Yă Brang, Sự tích hồ Tum Kong và suối Đak Hơ Măt, Sự tích núi hang cộp, Tục lặn nước* của người Bahnar, *Sự tích chon Con Con, Sự tích hồ Wang Xiêng trên núi Topai, Sự tích dấu móng tay trên lưng cua và tiếng kêu chim Klang Klel* của người Xơ Đăng ăng (A & Nguyen, 2020a), *Sự tích Pleiku, Sự tích Ia Nueng, Sự tích tên thác Ia Ly* của người Jrai (Gia Lai Department of Culture and Information, 2004), *Sự tích con dê, Sự tích hang Bang Adrên, Bảy chàng dũng sĩ* của người Ê-đê, *Sự tích sông Đạ Rơ-nga, Sự tích núi Lang Biang, núi Voi và suối Đa Nhim* của người Cơ-ho (Thu Huong, 2006)... Ngoài ra, kho tàng truyện ngụ ngôn và truyện cười của các dân tộc Tây Nguyên cũng rất phong phú. Những truyện này chủ yếu phê phán, châm biếm những thói hư tật xấu của những kẻ giàu, tham lam, độc ác và rút ra những bài học có ý nghĩa sâu sắc. Chẳng hạn như: *Chàng ngọc gặp may, Voi và anh chàng say rượu* của người Bahnar, *Cộp đền ơn người, Cáo và chim đớp muối, Rùa và Khỉ* của người Xơ Đăng...

Nhìn chung, nội dung chính của hầu hết truyện cổ Tây Nguyên mang trong mình vẻ đẹp và sức mạnh của thiên nhiên hoang dã và cuộc sống gian khổ của con người ở đây. Đó là những câu chuyện về những vị anh hùng, những trận chiến, những truyền thống và tâm thức văn hóa dân tộc. Những truyện cổ này không chỉ kể chuyện, mà còn truyền đạt triết lí sống, tư tưởng và giá trị đạo đức của các dân tộc Tây Nguyên. Chúng như những ngọn núi bí ẩn mang sức mạnh thần kì ở đại ngàn Tây Nguyên và tạo nên nét văn hóa độc đáo của các tộc người tại đây.

2.2.2. Lời nói vần

Lời nói vần là những hình thức diễn đạt độc đáo và sắc sảo của ngôn ngữ dân tộc Tây Nguyên. Mỗi dân tộc gọi lời nói vần bằng một cách khác nhau: *klei duê* (Ê-đê), *tam pla* (Cơ-ho), *toloi potuh* (Jrai), *nor/nâr poma potih* (Bahnar), *topôi h'no* (Xơ Đăng). Đó là cách biểu đạt âm vần linh hoạt, sử dụng những từ ngữ có cấu trúc chặt chẽ, ý nghĩa tinh tế. Lời nói vần thường được sử dụng trong các truyện cổ, sử thi, bài cúng, lời nói hàng ngày. Lời nói vần giúp truyền đạt thông điệp, diễn tả tình cảm và sắc thái biểu cảm của người nói.

Về đề tài, phần lớn lời nói vần mô tả những công việc hằng ngày trong cuộc sống, kinh nghiệm lao động sản xuất, những bài học làm người... Đây là lời nói vần về kinh nghiệm trồng trọt của người Jrai: *Lon ta jing podia/ Glai ta jing kotor/ Kosor ta jing hốt* (Đất tốt lúa/ Rừng tốt bắp/ Đất hoang tốt thuốc) (A, & Nguyen, 2020c, pp.141-142) hay kinh nghiệm đi

rừng của người Bahnar: *Bốk tơ bri kochăng iũ hrông/ Lất đak krong kochăng hlông jrũ/ Bốc lâm klők kông iũ kla rắp* (Đi rừng cẩn thận sợ cấm chông/ Lội sông cẩn thận chỗ nước sâu/ Vào rừng sâu coi chừng hồ rình) (A & Nguyen, 2020a, p.48). Hoặc kinh nghiệm về thời tiết của người Ê-đê: *Sít yũ ñu thảo m'djõ, ngõ ñu thảo mjẽ* (Đến từ phía Đông lượng mưa đủ, từ phía Tây lượng mưa ít) (Dak Lak Department of Culture, Sports and Tourism, 2011)...

Nội dung của lời nói vẫn có tính chất giáo dục, đạo đức và tư tưởng, truyền đạt những lời khuyên/ bài học về cuộc sống và tri thức dân gian của các dân tộc Tây Nguyên. Đó là bài học làm người, xử thế ở đời, lời khuyên sống có đạo lí, yêu thương đồng loại. Chẳng hạn lời nói vẫn sau đây của người Jrai đề cao sự hiếu thảo đối với cha mẹ: *Amĩ ba, ama 'bã, oi yã pojing* (Mẹ dẫn, cha công, ông bà sinh thành), *Hmào lu hmào ết, khõm chết đek, khom hek popha* (Có nhiều có ít cũng phải chia bớt cho nhau, san sẻ cho nhau) (A & Nguyen, 2020c, p.107). Tương tự, người Bahnar lại có câu nói vẫn về tình nghĩa vợ chồng: *Hiong klo hiong hokăn chã nai/ Hiong mẽ hiong bã chã đâng yơ?* (Mất mẹ cha thật là khó kiếm/ Đạo vợ chồng không hiếm chi nơi) (A & Nguyen, 2020a, p.116). Người Ê-đê khuyên vợ chồng sống với nhau chung thủy, suốt đời yêu thương chăm sóc lẫn nhau: *Ung cĩang kơ mỗ jing pô htũk knã* (Vợ chồng chăm sóc nhau cơm canh cho ngon ngọt) (Dak Lak Department of Culture, Sports and Tourism, 2011).

Hình thức lời nói vẫn rất đa dạng. Mỗi đơn vị thường có từ 6 đến 20 âm tiết, được chia thành nhiều vế đối ý, đối thanh, vẫn điệu tạo nên nhịp điệu lời nói vẫn sinh động, hấp dẫn người nghe. Chẳng hạn hình thức của lời nói vẫn Jrai: *Anã hiãp chẽk chõk/ Anãm hiãp lok nao rai/ Anãm hiãp lok nao rai/ Anãm bai hiãp sat/ Robat ber glông 'bong têng tai* (Đừng lời lẽ lăng nhăng/ Đừng nói tới nói lui/ Đừng nói xấu người khác/ Bước cao bước thấp, miệng lưỡi vo tròn, bóp méo) (A & Nguyen, 2020c, pp.38-39)... Nhiều đơn vị lời nói vẫn có số từ ngữ, âm tiết rất ít nhưng nhiều ý nghĩa. Chẳng hạn: *Abãn Lao, ao Kũr* (Khăn Lào, áo Miên) (A & Nguyen, 2020c, p.21), *Bla ksã mã bõng huã* (Màu lúa h'bla chín được ăn cơm mới) (Dak Lak Department of Culture, Sports and Tourism, 2011)...

Nhiều lời nói vẫn là công thức kể (khuôn mẫu diễn xướng) trong các sử thi Bahnar. Những lời nói vẫn này miêu tả hình dáng, diện mạo, khí phách của các anh hùng, vẻ đẹp của cô gái, cảnh đánh nhau, cảnh lao động hay những lời thách đố nhau giữa người anh hùng và kẻ thù trước khi xung trận, cảnh buôn làng giàu có, sung túc. Chẳng hạn như lời nói vẫn sau đây thường thấy trong sử thi Bahnar: *Kopô romo thoi koter/ Nhũng iẽr thoi loler cheh/ Thoi the brẽl, thoi chuơh krong* (Trâu bò đông như đàn mối/ Heo gà nhiều như đé cơm vừa đê/ Như sỏi đá, như cát sông) (A & Nguyen, 2020a, pp.168-169)...

2.2.3. Câu đố

Câu đố được sử dụng thường phổ biến trong đời sống hằng ngày như một trò chơi của trẻ em các dân tộc ở Tây Nguyên. Người Bahnar gọi câu đố là “podã”, người Xơ Đăng gọi là “monua”, người Jrai gọi là “tơlơi podao”, người Ê-đê gọi là “klei mđao”... Câu đố thường có hai bộ phận: Lời đố và lời giải. Lời đố là những câu văn vần, thường mô tả về con người,

con vật, đồ vật, thực vật, một hiện tượng trong thiên nhiên hay hoạt động diễn ra trong đời sống sinh hoạt của các dân tộc Tây Nguyên từ xưa đến nay.

Đối tượng đồ hết sức đa dạng, từ thiên nhiên, vũ trụ như sông, suối, ao, hồ, mặt trời, mặt trăng, mưa, nắng, sấm chớp đến các sản vật, món ăn của núi rừng; từ những công cụ lao động, sản phẩm như dao, rựa, các loại bẫy, thuyền độc mộc, thúng, mùng, cối giã gạo, hoạt động tía lúa, giã gạo đến các loại vũ khí thông dụng của người Tây Nguyên như ná, đao, gươm, khiên... (Nguyen & Hoang, 2023, p.61).

Chẳng hạn câu đố về con voi được mô tả chi tiết hình dáng của người Bahnar: “Hokâu hấp tở hodrôn, đon tở kodông/ Jõng tở jrăng, mũh mĩnh plaih, ‘bâr ‘mõm ‘bar tở koting” (Thân bằng cái chồi, tai bằng cái mùng/ Chân bằng cây cột, mũi dài một sải, ngậm hai khúc xương). Hay câu đố về cây xà nu được mô tả rất ấn tượng theo đặc điểm lá và gỗ của nó: “Sâk thoi sâk khẽm/ Sem thoi romã nhũng” (Tóc như lông nhím, Thịt như mỡ heo) (A & Nguyen, 2020b, p.132).

Lời giải của câu đố thường lắt léo hoặc úp mở, có khi nói một đằng lại hiểu một nẻo. Qua lời giải, người ra câu đố còn muốn gợi một ý nghĩa nhân văn nào đó nên một số câu đố còn mang ý nghĩa luân lí. Để có câu đố hay, đòi hỏi người ra câu đố có sự hiểu biết bao quát các lĩnh vực trong đời sống. Người giải đố phải giải mã được tín hiệu trong câu đố một cách hợp lí mà mọi người có thể chấp nhận. Qua trò chơi câu đố, chúng ta còn tìm thấy nhiều giá trị về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, phong tục, văn hóa tộc người của các dân tộc ở Tây Nguyên. (Nguyen & Hoang, 2022, p.62)

Câu đố của các dân tộc ở Tây Nguyên đã phản ánh khá rõ nét các yếu tố cấu thành văn hóa của các tộc người này. Qua câu đố, chúng ta tìm thấy những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của từng tộc người và đặc trưng chung của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên, bao gồm văn hóa rừng, ẩm thực, trang phục, nhà cửa, lao động sản xuất, lễ hội, sinh hoạt cộng đồng... Có thể nói, câu đố là nơi lưu giữ những giá trị rõ nét của văn hóa dân tộc ở Tây Nguyên. Trong các thành tố văn hóa trên, văn hóa rừng mang đậm bản sắc văn hóa của các dân tộc bản địa Tây Nguyên. Khi không có chữ viết, câu đố là phương tiện quan trọng nhất để ghi lại văn hóa của một cộng đồng. Cùng với các loại hình nghệ thuật dân gian khác như lời nói vần, sử thi, truyện cổ, câu đố đã làm sâu sắc thêm văn hóa các dân tộc Tây Nguyên qua đặc trưng của nó.

2.2.4. Sử thi

Sử thi là một thể loại ngữ văn dân gian đặc biệt của các dân tộc ở Tây Nguyên. Mỗi dân tộc gọi sử thi bằng những tên gọi khác nhau. Người Ê-đê gọi sử thi là “khan”, người Bahnar gọi là “h’mon” (hoặc *hoamon*), người Mnông gọi là “ot ndrông”, người Xơ Đăng gọi là “hõmuan”, người Jrai gọi là “h’ri” (*hori*). Về số lượng, sử thi Tây Nguyên có ngót ngàn tác phẩm đã sưu tầm, trong số đó có hơn một trăm tác phẩm đã được biên dịch, xuất bản. Nhiều dân tộc có bộ sử thi liên hoàn gồm hơn một trăm sử thi như Mnông, Bahnar, Xơ Đăng. Có thể nói rằng, sử thi là thể loại ngữ văn tiêu biểu của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên.

Nội dung của sử thi chứa đựng những sự kiện trọng đại của các cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên. Đó là công cuộc đấu tranh chống thiên nhiên, giặc ngoại xâm để bảo vệ buôn làng, quá trình xây dựng cộng đồng ngày càng ấm no, giàu có và phồn vinh. Nhân vật trung tâm của sử thi là những anh hùng có tài năng siêu phàm, thực thi những sứ mệnh sống còn của cộng đồng như *Đăm Săn* (sử thi Ê-đê), *Đăm Giông* (sử thi Bahnar), *Đăm Đuông* (sử thi Xơ Đăng), *Tiăng* (sử thi Mnông)... Ngoài ra, sử thi chứa đựng các ý niệm về tín ngưỡng và thực hành nghi lễ nguyên thủy của người Tây Nguyên thời xa xưa.

Sử thi Tây Nguyên thuộc loại hình nghệ thuật mang tính nguyên hợp cao. Đặc trưng nổi bật của sử thi Tây Nguyên là gắn liền với diễn xướng. Sử thi được diễn xướng vào các dịp lễ hội, cưới hỏi, mừng chiến thắng... Nghệ nhân diễn xướng sử thi là một người siêu trí tuệ, có thể nhớ hàng chục, hàng trăm sử thi, mỗi sử thi có thời gian diễn xướng từ 08 đến 10, 12 giờ. Diễn xướng sử thi là một nghệ thuật tổng hợp bao gồm hát, kể, ngâm nga, độc thoại, đảm nhận nhiều vai đối thoại trong cùng một thời điểm/ tình huống.

“Người thưởng thức sử thi không hoàn toàn thụ động ngồi nghe những gì nghệ nhân hát kể mà tham gia vào quá trình hát kể sử thi. Họ như một dàn đồng ca đứng cạnh nghệ nhân, cùng với nghệ nhân tham gia vào cuộc hành trình của các nhân vật sử thi trong quá trình diễn xướng.” (Nguyen, 2016, p.3). Khi tham gia diễn xướng sử thi, mọi người hướng hoàn toàn cảm xúc và tâm thức vào những câu chuyện thần linh của tổ tiên từ ngàn xưa vọng về. Cả nghệ nhân diễn xướng và người thưởng thức đang sống trong không gian đặc biệt, không gian thiêng của người Tây Nguyên. Trong không gian ấy, họ được thăng hoa và hòa nhập vào thế giới siêu nhiên qua trí tưởng tượng vô biên.

Ngôn ngữ sử thi cũng là ngôn ngữ đặc biệt. Đó là ngôn ngữ kể, tả, đối thoại, độc thoại, lời khấn thần linh, lời hát khóc với muôn vàn cấu trúc ngôn ngữ khác nhau, các cặp câu đối xứng biện ngẫu kết hợp với lời hát, kể hoặc lời văn cúng theo những làn điệu âm nhạc đa dạng, phong phú. Trong sử thi thường có lời nói vần, những câu văn giàu nhịp điệu và hình ảnh. Chẳng hạn như đoạn miêu tả ngôi làng của tù trưởng giàu có trong sử thi *Đăm Săn*: “*Nơi dựng làng trông như cái mai rùa, rẫy giăng khắp núi, trâu bò lúc nhúc như mối, như kiến, đường đi bên phải rộng một với giáo, đường đi bên trái rộng một với chà gạc, dẫu chân ngựa, chân voi như bện thừng, nô lệ trai ngực đựng ngực, nô lệ gái vú đựng vú.*” (Institute of Literature, 2002, p.46).

Để các sử thi liên kết với nhau, nghệ nhân dùng các khuôn mẫu diễn xướng, công thức truyền miệng, motif... Các công thức, khuôn mẫu, motif này góp phần tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các sự kiện, hành động, nhân vật của các sử thi và các sử thi trong nhóm với nhau. Khuôn mẫu, motif thường thấy trong các sử thi Tây Nguyên là khuôn mẫu miêu tả, cách nói phóng đại, thủ pháp lặp, ngôn ngữ giàu hình ảnh, yếu tố thần kì, các motif quen thuộc của truyện cổ như dũng sĩ diệt ác, sinh nở thần kì, người đội lốt vật, người đội lốt xấu xí... Dựa vào các khuôn mẫu, motif và kết cấu liên hoàn, nghệ nhân hát kể sẽ mở rộng đề tài, phát triển nội dung và xuyên chuỗi các sử thi tạo nên một kết cấu liên hoàn. (Nguyen, 2016, p.4)

Nhiều sử thi Tây Nguyên là được xem là “sử thi sống”. Cụ thể là trong khi diễn xướng, người ta vẫn giữ nguyên các hình thức truyền thống nhưng có thể thêm vào nội dung những yếu tố hiện đại để cho người nghe thấy sử thi gần gũi với đời sống hiện tại, chứ không phải là hiện thực của quá khứ một đi không trở lại. Đặc điểm này cho thấy sử thi Tây Nguyên không chỉ tồn tại và lưu truyền trong xã hội hiện đại mà còn có khả năng dung nạp những yếu tố ngoại lai. Đặc trưng *sử thi sống* làm cho sử thi Tây Nguyên mang tính tiếp biến linh hoạt với cuộc sống hiện đại nhưng vẫn giữ được đặc trưng cơ bản của sử thi truyền thống.

Một đặc trưng khác của sử thi Tây Nguyên là mang tính liên hoàn, nhất là sử thi của người Mnông (*ot ndrong*), sử thi của Bahnar (*h'mon*) và sử thi của người Xơ Đăng (*homuan*). Người Mnông có bộ sử thi liên hoàn kể về người anh hùng Tiăng như: *Đẻ Lêng, Mùa rẫy bon Tiăng, Cây nêu thần, Kể dòng con cháu Mẹ Chếp, Bông Rõng và Tiăng, Con hổ cắn mẹ Rõng, Mẹ Rõng và Tiăng, Cướp Búng con Klêt, Tiăng lấy gươm tự chém...* Nội dung sử thi Mnông kể về hiện thực lao động sản xuất, chiến đấu để xây dựng và phát triển cộng đồng người Mnông trong lịch sử. Qua đó thể hiện kho tàng vô tận về tri thức, kinh nghiệm, ứng xử về thiên nhiên, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần, phong tục tập quán, tín ngưỡng của người Mnông. Tương tự, người Bahnar cũng có bộ sử thi liên hoàn kể về anh hùng Dăm Giông như: *Giông, Giở mồ cô từ nhỏ, Giông săn trâu rừng, Giông cứu nàng Rang Hu, Giông cứu đôi dân làng mọi nơi, Giông xấu xí, Giông, Giở bán ghè thần Rang Blo, Giông, Giở tìm Bia Lũi...* Nội dung sử thi Bahnar phản ánh hiện thực sôi động của cộng đồng người Bahnar trong quá trình đấu tranh xây dựng và bảo vệ cộng đồng, quá trình giao lưu, va chạm với các cộng đồng khác để mở rộng địa bàn hoạt động. Hầu như tất cả các sự kiện quan trọng của cộng đồng và cuộc sống thường ngày của người Bahnar được sử thi “ghi chép” chi tiết, đầy đủ như một bộ bách khoa toàn thư truyền miệng về lịch sử phát triển của tộc người này. Người Xơ Đăng có bộ sử thi liên hoàn về người anh hùng Dăm Duông như: *Dăm Duông ở trên trời, Dăm Duông bị bắt làm tôi tớ, Dăm Duông làm thủ lĩnh, Dăm Duông đi theo thần Tung Gur, Dăm Duông làm nhà rông, Dăm Duông cứu nàng Bar Mã...*

Có thể nói, sử thi Tây Nguyên là một thể loại ngữ văn dân gian độc đáo của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Những giá trị về nội dung, nghệ thuật của sử thi Tây Nguyên góp phần làm sâu sắc bản sắc văn hóa của vùng đất này, là giá trị văn hóa vô giá. So với sử thi của Thái Lan, Lào, Campuchia, sử thi Tây Nguyên hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của sử thi Ấn Độ. Nó mang những đặc trưng chung của sử thi thế giới nhưng đậm bản sắc văn hóa của tộc người Bahnar ở Tây Nguyên.

2.3. Tầm quan trọng và các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị ngữ văn dân gian

2.3.1. Tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên

Ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên đóng vai trò vô cùng quan trọng và có giá trị đặc biệt trong việc gìn giữ và phát triển văn hóa đặc trưng của vùng văn hóa đặc biệt này. Ngữ văn dân gian Tây Nguyên bao gồm nhiều thể loại văn học đặc trưng như lời nói vần, sử thi được lưu truyền và phát triển từ nhiều đời góp phần không nhỏ trong

việc duy trì sự toàn vẹn và độc đáo của văn hóa Tây Nguyên. Trong đó, mỗi thể loại văn học của mỗi dân tộc lại mang dấu ấn riêng biệt của mỗi tộc người tạo thành bức tranh đa màu sắc và vô cùng phong phú. Tính đa dạng của ngữ văn dân gian tại Tây Nguyên thể hiện qua sự phong phú về các thể loại văn học như thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, ca dao, câu đố... Trong đó, mỗi tộc người tại Tây Nguyên lại có đề tài, đặc trưng nội dung, nghệ thuật riêng, thể hiện bản sắc riêng của mình. Chẳng hạn như lời nói vần, các dân tộc Mnông, Ê-đê, Jrai, Bahnar, Xơ Đăng đều có và có chung đặc điểm: là những câu nói ngắn gọn, súc tích nhưng chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu sắc, đem lại sự khôn ngoan và kinh nghiệm sống. Song đặc trưng của lời nói vần của từng dân tộc lại có đặc trưng riêng, phản ánh được bản sắc văn hóa tộc người rất rõ rệt. Hay chỉ riêng thể loại sử thi cũng đa dạng đặc trưng, mỗi sử thi của mỗi dân tộc phản ánh một nét độc đáo của văn hóa vùng đất Tây Nguyên. *H'mon* của người Bahnar, *ot ndrong* của người Mnông, *homuan* của người Xơ Đăng là những sử thi liên hoàn bao gồm hàng trăm sử thi độc lập có độ dài hơn cả những sử thi đồ sộ của thế giới như *Mahabharata* của Ấn Độ. *Khan* của người Ê-đê là những viên ngọc lung linh về nghệ thuật ngôn từ và hình tượng nghệ thuật. Tất cả tạo nên nét độc đáo của sử thi Tây Nguyên. Bên cạnh đó, những bài ca dao phản ánh cuộc sống, khát vọng và cung bậc tình cảm của người dân tộc Tây Nguyên. Những làn điệu *ache*, *anhik* của người Jrai, *hovong*, *hori* của người Bahnar làm say đắm lòng người như vị men lá êm dịu nhưng đắm thắm khó quên.

Ngữ văn dân gian có thể coi như là kho tàng tri thức vô tận chứa đựng trong lòng người dân Tây Nguyên. Nhờ ngữ văn dân gian, con người hiểu được hiện thực lịch sử, văn hóa, tâm tư, ý chí và khát vọng của dân tộc. Qua sử thi, người ta có thể hình dung một hiện thực lớn lao của người Tây Nguyên xưa trong quá trình hình thành, bảo vệ và phát triển cộng đồng, những biến động lớn lao của vùng đất này suốt hàng ngàn năm. Hơn thế, tầm quan trọng của ngữ văn dân gian còn thể hiện qua việc tạo dựng và duy trì sự đoàn kết trong cộng đồng dân tộc tại Tây Nguyên. Qua việc sáng tạo, lưu truyền những câu chuyện cổ, những bài dân ca, lời nói vần... các cộng đồng dân tộc ở Tây Nguyên được gắn kết với nhau, tạo nên sức mạnh từ lòng yêu thương và sự chia sẻ, tạo ra cầu nối tinh thần giữa các cộng đồng, góp phần tạo nên môi trường sống hòa thuận và đoàn kết giữa các dân tộc anh em ở vùng đất Tây Nguyên hùng vĩ. Ngoài ra, qua ngữ văn dân gian, các giá trị truyền thống và văn hóa của các dân tộc tại Tây Nguyên được truyền dạy và duy trì trong cộng đồng. Những bài ca dao, đồng dao, những lời nói vần hay truyện cổ, sử thi đã lưu giữ những giá trị văn hóa đặc sắc của Tây Nguyên. Rõ nhất là hình thức diễn xướng sử thi. Hàng ngàn năm qua, hằng đêm, dân làng tập trung xung quanh bếp lửa để tham gia diễn xướng sử thi. Nếp sinh hoạt này không chỉ là sinh hoạt giải trí mà còn là hình thức duy trì truyền thống văn hóa bền vững nhất. Nhờ đó, các thế hệ tiếp nối ở vùng đất này có cơ hội tiếp cận và hiểu rõ hơn về nguồn gốc, lịch sử và giá trị văn hoá của mình. Điều này giúp họ phát triển lòng tự hào và nhận ra tầm quan trọng của việc bảo tồn và gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc. Nó không chỉ làm

phong phú thêm bối cảnh văn hoá mà còn tạo nên những điểm đặc trưng và sự phân biệt so với các vùng khác trong nước và quốc tế. Nhờ sự độc đáo, đa dạng và phong phú của ngữ văn dân gian, Tây Nguyên trở thành một điểm đến hấp dẫn cho khách du lịch trong và ngoài nước, thu hút sự quan tâm và khám phá văn hóa truyền thống của dân tộc Tây Nguyên.

Nói chung, các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc tại Tây Nguyên không chỉ phản ánh di sản văn hoá phong phú của khu vực này, mà còn đóng góp vào sự đa dạng và sự độc đáo của văn hóa Việt Nam. Ngữ văn dân gian không chỉ mang tính chất giải trí mà còn phản ánh những giá trị văn hóa sâu sắc của các dân tộc. Bảo tồn và phát huy giá trị ngữ văn dân gian này không chỉ giúp duy trì sự liên tục của truyền thống văn hóa, mà còn giúp cho các cộng đồng bản địa có thể tự tin thể hiện danh tính và câu chuyện của mình trong thế giới toàn cầu hóa. Điều này không chỉ tăng cường niềm tự hào và đánh giá văn hóa, mà còn cải thiện sự hiểu biết và sự tôn trọng đa văn hóa.

2.3.2. Các giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn và phát huy giá trị ngữ văn dân gian

Nhận thức được các giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên, người viết bài này mạnh dạn đề xuất các giải pháp như sau.

- *Tuyên truyền và giáo dục nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên*

Tuyên truyền và giáo dục nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian của các dân tộc tại Tây Nguyên đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của khu vực này. Trong thực tế hiện nay, vấn đề nhận thức lí luận về ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên còn rất hạn chế. Cụ thể là có rất ít những công trình nghiên cứu về ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên. Nhiều trường đại học lớn cấp khu vực vẫn thiếu môn học hoặc chuyên đề về ngữ văn dân gian Tây Nguyên. Trong các ngữ liệu dạy học ở các trường phổ thông hiện nay, ngữ liệu về ngữ văn dân gian các dân tộc còn rất khiêm tốn. Rất khó tìm thấy những văn bản trong sách giáo khoa hiện hành có ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên. Hoặc nếu có đưa vào chương trình cũng là những tác phẩm rất quen thuộc đến mức cũ kĩ. Chẳng hạn sách giáo khoa lớp 10 hiện hành vẫn đưa vài đoạn trích của sử thi *Đăm Săn* đã có trong sách giáo khoa từ 60-70 năm trước, trong khi đó, đến nay, sử thi Tây Nguyên đã sưu tầm đến nghìn tác phẩm. Hoặc ở một số tài liệu giáo dục địa phương, một số văn bản ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên được sử dụng nhưng rất ít và chưa hiệu quả.

Do đó, cần tuyên truyền và giáo dục nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc không dừng lại ở một số nhà nghiên cứu tâm huyết mà còn phải mở rộng ra toàn xã hội, từ các cơ quan chức năng, chính quyền, nhà quản lí văn hóa đến trường học các cấp, người dân, nhất là người dân Tây Nguyên, người sáng tạo ra ngữ văn dân gian nơi đây. Thứ nhất, tổ chức các khóa học và chương trình giáo dục về ngữ văn dân gian, giúp người dân hiểu và trân trọng giá trị của ngữ văn dân gian. Các khóa học này có

thể được tổ chức trong các trường học các bậc, từ phổ thông đến đại học, các trung tâm văn hoá hoặc viện nghiên cứu văn hóa dân tộc, với sự tham gia của các nghệ nhân, nhà nghiên cứu, các chuyên gia văn hóa và giáo viên. Thực tiễn, một số địa phương đã thực hiện giải pháp này như mở lớp truyền dạy sử thi, các hội nhóm nghiên cứu, sưu tầm ngữ văn dân tộc. Chẳng hạn năm 2017, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam phối hợp với UBND huyện Cư M'gar tổ chức lớp truyền dạy sử thi, kể khan Ê-đê tại xã Ea Tul trong 03 tháng cho 08 học viên (Dak Lak Newspaper, 2017). Gần đây nhất, tháng 6 năm 2023, *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND huyện Cư M'gar tổ chức khai mạc lớp diễn xướng, truyền dạy sử thi Êđê tại xã Ea Tul cho 20 học viên* (Dak Lak, Newspaper, 2023). *Những lớp học như thế này có ý nghĩa nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn cho thế hệ trẻ.*

Những hoạt động trên đã góp phần bảo tồn một số lượng lớn ngữ liệu văn học dân gian các dân tộc Tây Nguyên. Tuy vậy, những thành tựu trên chưa khai thác hết các tác phẩm ngữ văn dân gian đang tồn tại trong các cộng đồng. Một thời gian ngắn nữa, khi các nghệ nhân già yếu hoặc mất đi thì các tác phẩm ngữ văn dân gian chưa sưu tầm, lưu giữ sẽ không còn nữa. Do vậy, tuyên truyền và giáo dục nhận thức về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian của các dân tộc tại Tây Nguyên có tác động mạnh mẽ đến việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc. Nó giúp tạo ra sự nhận thức, lòng yêu mến và tôn trọng đối với di sản văn hóa của các dân tộc trong khu vực Tây Nguyên.

- *Sử dụng công nghệ số hóa để ghi lại và lưu trữ các tác phẩm ngữ văn dân gian*

Một trong những giải pháp bảo tồn ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên là sử dụng công nghệ số hóa để ghi lại và lưu trữ các tác phẩm ngữ văn dân gian. Các tác phẩm này sau đó có thể được lưu trữ và truy cập dễ dàng trong các cơ sở dữ liệu điện tử. Việc số hóa ngữ văn dân gian bao gồm các bản gốc và bản dịch, file video, audio để bảo tồn và phục vụ nghiên cứu. Bằng cách này, các tác phẩm ngữ văn dân gian có thể được lưu trữ và phát hành thông qua các trang web, ứng dụng di động hoặc các phương tiện truyền thông khác dưới dạng sách in, video, audio, hình ảnh. Về giải pháp này, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam (Hội) đã thực hiện rất tốt. Hằng năm, Hội thường tổ chức trao giải thưởng cho các nhà nghiên cứu, sưu tầm các tác phẩm văn học nghệ thuật, trong đó có ngữ văn dân gian của các dân tộc Tây Nguyên. Nhờ đó, trong nhiều năm qua, nhiều công trình nghiên cứu, sưu tầm về ngữ văn dân gian địa phương đã được xuất bản và phát hành rộng rãi trên cả nước. Cùng với đó, từ năm 2021, *Đề án Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học – nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam* (Đề án) được Chính phủ phê duyệt. Đề án đã và đang khảo sát, điều tra, nghiên cứu, sưu tầm, xây dựng hệ thống tư liệu, sáng tạo, xuất bản, phát hành và quảng bá các công trình văn học – nghệ thuật về các dân tộc thiểu số Việt Nam dưới dạng sách in, sách điện tử (ebook), sách 3D, các phim tài liệu, phim chuyên đề và hệ thống thư viện số. Đề án đã và đang tiến hành biên tập, biên dịch, xuất bản và phát hành 1500 tác phẩm văn học nghệ thuật, trong đó ngữ văn dân gian, theo cách này. Đây là cách làm rất hiệu quả

nhưng số lượng tác phẩm còn hạn chế, vì số lượng công trình ngữ văn dân gian của các dân tộc rất nhiều nên con số 1500 tác phẩm của Đề án sẽ không đủ lưu giữ tất cả. Nên mở rộng Đề án để các tác phẩm ngữ văn dân gian các dân tộc hiện có đều được lưu giữ, bảo tồn.

Ngoài việc số hóa, cần có những giải pháp ứng dụng công nghệ phục vụ công tác bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian các dân tộc ở Tây Nguyên như sau:

- Nghiên cứu yêu cầu và thiết kế hệ thống dữ liệu ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên: Xây dựng các tiện ích, tính năng cần có và dễ sử dụng trong hệ thống như quản lý dữ liệu, tìm kiếm, truy cập ngữ văn dân gian. Hệ thống này giúp người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm những thông tin cần thiết như tiêu đề, tác giả, thể loại, nội dung và các tài liệu đa phương tiện liên quan.

- Xây dựng tính năng tìm kiếm và lọc ngữ văn dân gian: Phát triển khả năng tìm kiếm nhanh chóng và hiệu quả trên cơ sở dữ liệu ngữ văn dân gian Tây Nguyên. Hỗ trợ các tiêu chí tìm kiếm và lọc như tên tác giả, từ khóa, thể loại... Tạo ra các cơ chế tìm kiếm và lọc linh hoạt để người dùng có thể tìm kiếm dữ liệu dễ dàng và chính xác.

- Tạo ra bản ghi và lưu trữ tài liệu: Cung cấp khả năng tạo ra bản ghi mới và lưu trữ tài liệu liên quan như văn bản, hình ảnh, âm thanh hoặc video. Đảm bảo dữ liệu được lưu trữ và quản lý một cách an toàn và đáng tin cậy.

3. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng phát triển, việc bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian của các dân tộc tại chỗ, đặc biệt là ở vùng Tây Nguyên, đã trở nên rất cần thiết. Một trong những giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên là ứng dụng công nghệ. Trước hết, cần xác định được giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên. Nó không chỉ là di sản văn hóa của từng dân tộc, mà còn là nguồn cảm hứng vô tận và một cầu nối tinh thần giữa thế hệ trước và thế hệ sau. Ngữ văn dân gian là nguồn thông tin phong phú về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc Tây Nguyên. Nó thể hiện sự sáng tạo, sức mạnh và tâm thức của con người Tây Nguyên và góp phần tạo nên sự đa dạng và sắc màu cho văn hóa Việt Nam.

Trong tình hình đó, cần có những giải pháp phù hợp và thiết thực để bảo tồn và phát huy các giá trị ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên, tác giả đề xuất giải pháp cơ bản như sau:

- Tuyên truyền về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, chúng ta có thể giới thiệu đến cộng đồng về những giá trị văn hóa độc đáo của ngữ văn dân gian Tây Nguyên. Việc tuyên truyền góp phần lan tỏa và tạo ra nhận thức rõ ràng về giá trị và tầm quan trọng của ngữ văn dân gian các dân tộc Tây Nguyên; từ đó, cộng đồng và các cơ quan chức năng, người nghiên cứu, giáo viên, học sinh, sinh viên tăng cường nhận thức về giá trị của ngữ văn dân gian, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên.

- Một giải pháp khác là sử dụng công nghệ số hóa để biến các tác phẩm truyền thống thành dạng điện tử như sách điện tử (e-book), video, audio, hình ảnh 5D... Việc làm này giúp bảo đảm rằng các tác phẩm ngữ văn dân gian này sẽ không bị mất đi và dễ dàng tìm kiếm, truy cập cho mọi đối tượng, đồng thời còn giúp bảo vệ chất lượng và các bản gốc của chúng.

Ngoài các giải pháp trên, cần tổ chức các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về các thể loại ngữ văn dân gian như truyện cổ, lời nói vần, câu đố, sử thi... để không chỉ bảo tồn mà còn giới thiệu những giá trị độc đáo của ngữ văn dân gian các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên ra thế giới.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A, J., & Nguyen, T. D. (2020a). *Truyen co Bahnar, Xo Dang o Kon Tum [Fairy tales of Bahnar, Sedang in Kon Tum]*. National Culture Publishing House.
- A, J., & Nguyen, T. D. (2020b). *Podã Bahnar – Cau do Bahnar [Riddles of the Bahnar]*. National Culture Publishing House.
- A, J., & Nguyen, T. D. (2020c). *Loi noi van cua nguoi Jrai o Kon Tum [Rhyming speech of the Jrai in Kon Tum]*. National Culture Publishing House.
- Dak Lak Department of Culture, Sports and Tourism. (2011). *Klei Due Ede-Loi noi van cua dan toc Ede [Klei Due Ede (Rhyming words of the Ede people)]*. Da Nang Publishing House.
- Dak Lak Newspaper. (2017). *Huyen Cu M'gar be giang lop truyen day ke khan, su thi E de [Cu M'gar district closed the class teaching Ede epic singing]*. <https://vhntdl.daklak.gov.vn/Articles/Detail/1411>
- Dal Lak Newspaper. (2023). *Khai mac lop dien xuong, truyen day Khan (Su thi) cua nguoi Ede tai huyen Cu M'gar [Opening class to perform and teach Khan (Epic) of the Ede people in Cu M'gar district]*. <https://baodaklak.vn/van-hoa-du-lich-van-hoc-nghe-thuat/202306/khai-mac-lop-dien-xuong-truyen-day-khan-su-thi-cua-nguoi-edetai-huyen-cu-mgar-461066e/>
- Gia Lai Department of Culture and Information. (2004). *Truyen co dan gian Gia Lai [Gia Lai folk tales]*. Published by Gia Lai Culture - Tourism Company.
- Institute of Literature. (2002). *Tong tap van hoc cac dan toc thieu so (Tap III, Quyen III) [Collection of literature of ethnic minorities (Volume III, Book III)]*. Da Nang Publishing House.
- Nguyen, T. D., & Hoang, T. H. (2023). Đặc điểm câu đố dân gian của người Xo Dang Todra (Characteristics of folk riddles of the Xo Dang people). *Journal of Science & Technology, University of Education, Hue University*, 2(64), 56-63.
- Nguyen, T. D. (2016). Đặc điểm loại hình h' m-Su thi của người Bahnar (Characteristics of the type of h' mon - the epic of the Bahnar). *Journal of Science & Technology Magazine, University of Sciences, Hue University*, IV(2), 1-6.
- Thu Huong (2006). *Truyen co Co Ho [Co Ho fairy tale]*. Culture and Information Publishing House.

**PRESERVING AND PROMOTING THE FOLK LITERARY
HERITAGE OF ETHNIC GROUPS IN VIETNAM'S CENTRAL HIGHLANDS**

Nguyen Tien Dung

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Tien Dung – Email: dungnt@hcmue.edu.vn

Received: September 12, 2023; Revised: January 13, 2024; Accepted: March 01, 2024

ABSTRACT

The article highlights the importance of preserving and promoting folk literary values among ethnic groups in Vietnam's Central Highlands region. This endeavor not only contributes to sustaining and developing the cultural heritage of these local communities but also creates opportunities for the expression of their unique identities within the broader context of Vietnam's international integration. The article presents the intrinsic values and significance of folk literature among the Central Highlands' ethnic groups. Building upon this foundation, the article proposes several key solutions. Firstly, it advocates raising awareness about the value and importance of these communities' folk literature. Secondly, it recommends leveraging science and technology to digitize and securely archive folk literary works, ensuring their sustainable preservation. The central emphasis of the article is on the critical role of safeguarding and promoting folk literary values in fostering social consciousness and cultivating respect for the rich cultural diversity of the Central Highlands' ethnic minorities.

Keywords: Central Highlands; conservation; cultural diversity; cultural values; folk literature